TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Khánh Ly

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ma Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và không bị ai cưỡng ép lừa dối kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 22/12/2014 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn chị và anh T sống tại Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên

uống rượu, không chịu tu chí làm ăn, khi anh T say rượu thường đập phá đồ dùng gia đình và đánh chị. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Ma Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Ma Chí T1, sinh ngày 04/10/2014. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn Ma Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh T. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị H đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh và chị H đã sống ly thân được 03 năm. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị Ma Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Ma Chí T1, sinh ngày 04/10/2014. Nay ly hôn, anh nhất trí để chị H nuôi dưỡng cháu T1, anh cấp dưỡng nuôi cháu T1 theo khả năng của bản thân và không đề nghị ghi trong bản án, quyết định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ma Thị H. Cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Ma Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Ma Chí T1, sinh ngày 04/10/2014 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ma Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Ma Văn T; anh Ma Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ma Thị H, anh Ma Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2014 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Chị H, anh T đều xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đối với chị H không còn, nhất trí ly hôn với chị H. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Ma Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn T có 01 con chung là cháu Ma Chí T1, sinh ngày 04/10/2014. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T nhất trí cho chị H nuôi dưỡng cháu T1. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T1 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ma Thị H không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ma Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Ma Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Chí T1, sinh ngày 04/10/2014 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Ma Thị H phải chịu 300.000 đồng. Anh Ma Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã H, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành